

- Lancet. 2019;393(10174):919-935. doi:10.1016/S0140-6736(18)32782-X
5. **Đinh Gia Hưng.** Nghiên Cứu Đặc Điểm Lâm Sàng, Cận Lâm Sàng Bệnh Thận Đa Nang Bẩm Sinh ở Người Trưởng Thành Điều Trị Tại Khoa Thận Tiết Niệu Bệnh Viện Bạch Mai. Luận văn chuyên khoa cấp 2. ĐH Y Hà Nội; 2008.
  6. **Ecdler T, Chapman AB, Brosnahan GM, Edelstein CL, Johnson AM, Schrier RW.** Effect of antihypertensive therapy on renal function and urinary albumin excretion in hypertensive patients with autosomal dominant polycystic kidney disease. American Journal of Kidney Diseases. 2000;35 (3):427-432. doi:10.1016/S0272-6386(00)70195-8
  7. **Cadnapaphornchai MA, McFann K, Strain JD, Masoumi A, Schrier RW.** Prospective Change in Renal Volume and Function in Children with ADPKD. CJASN. 2009;4(4):820-829. doi:10.2215/CJN.02810608
  8. **Torres VE, Chapman AB, Perrone RD, et al.** Analysis of baseline parameters in the HALT polycystic kidney disease trials. Kidney International. 2012;81(6):577-585. doi:10.1038/ki.2011.411
  9. **Nowak KL, You Z, Gitomer B, et al.** Overweight and Obesity Are Predictors of Progression in Early Autosomal Dominant Polycystic Kidney Disease. JASN. 2018;29(2):571-578. doi:10.1681/ASN.2017070819
  10. **Schrier RW, Abebe KZ, Perrone RD, et al.** Blood Pressure in Early Autosomal Dominant Polycystic Kidney Disease. N Engl J Med. 2014;371(24):2255-2266. doi:10.1056/NEJMoa1402685

## KIẾN THỨC CỦA VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ VỀ TIÊM CHỦNG VACCINE COVID-19

Trần Trương Ngọc Bích\*, Phạm Thị Ngọc Nga\*,  
Phan Thị Ánh Nguyệt\*, Ngô Thị Thúy Hằng\*, Nguyễn Hiệp Phúc\*,  
Trương Quỳnh Trang\*, Phạm Công Thanh\*

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Tiêm vaccine an toàn và hiệu quả là cách duy nhất để giảm tỷ lệ tử vong do đại dịch COVID-19. Sự hiểu biết sai về vaccine có thể dẫn đến tâm lý chủ quan. **Mục tiêu:** Khảo sát kiến thức về việc tiêm chủng vaccine COVID-19 của viên chức và người lao động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT). **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang ở 422 viên chức và người lao động đang công tác Trường ĐHYDCT trong thời gian từ tháng 6/2021 đến 9/2021. **Kết quả:** Có 152/422 đối tượng tham gia trả lời đúng 5/6 câu hỏi về kiến thức tiêm chủng vaccine COVID-19. Tỷ lệ viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT có kiến thức đúng chung là 36%, kiến thức chưa đúng đến 64%. Ba nội dung kiến thức đạt tỷ lệ đúng cao là: "Biết thông tin vaccine COVID-19" đạt 100%; "Có thể mắc bệnh COVID-19 ngay cả khi đã tiêm ngừa COVID-19" đạt 96,9%; "Có thể tiêm chủng COVID-19 cả khi có tiền sử nhiễm" đạt 93,6%. Trong 7 đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, chỉ có thâm niên công tác liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ kiến thức đúng,  $p=0,032$ . Thông tin về vaccine COVID-19 chủ yếu có nguồn gốc từ các kênh truyền thông như ti vi, báo, đài (87,7%). **Kết luận:** tỷ lệ viên chức và người lao động Trường ĐHYDCT có kiến thức đúng về vaccine COVID-19 chưa cao, 36%. Về liên quan với đặc điểm đối tượng, chỉ có thâm niên

công tác được xác định có liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ kiến thức đúng.

**Từ khóa:** COVID-19, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, viên chức và người lao động.

### SUMMARY

#### KNOWLEDGE AND VOLUNTARY ATTITUDE OF MEDICAL STUDENTS OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN THE PREVENTION OF COVID-19 PANDEMIC

**Background:** Safe and effective vaccination is the only way to reduce mortality from the COVID-19 pandemic. Misunderstandings about vaccines can lead to subjective psychology. **Objectives:** To survey the knowledge about vaccination against COVID-19 vaccine of officials and employees of Can Tho University of Medicine and Pharmacy (CTUMP). **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study in 422 officials and employees working at CTU from June 2021 to September 2021. **Results:** There were 152/422 participants correctly answered 5/6 questions about knowledge about vaccination against COVID-19 vaccine. The prevalence of officials and employees of CTU with common correct knowledge was 36%, and incorrect knowledge was 64%. Three knowledge content with high correct prevalence was "Knowing the information about the COVID-19 vaccine" reaching 100%; "It is possible to get COVID-19 even after being vaccinated against COVID-19" reaching 96.9%; "It is possible to vaccinate against COVID-19 even with a history of infection" reaching 93.6%. Among the 7 characteristics of the subjects, only the relevant working seniority was statistically significant with the

\*Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Công Thanh

Email: pcthanh@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 23.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 15.8.2022

Ngày duyệt bài: 22.8.2022

correct knowledge prevalence,  $p=0.032$ . Information about the COVID-19 vaccine was mainly sourced from media channels such as television, newspapers and radio (87.7%). **Conclusion:** The percentage of officials and employees of CTU with correct knowledge about COVID-19 vaccine is not high, 36%. Regarding the relationship with the object characteristics, only the working seniority was determined to have a statistically significant relationship with the correct knowledge rate.

**Keywords:** COVID-19, CTUMP, officials and employees.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước diễn biến phức tạp và tốc độ lây lan nhanh và rộng của COVID-19, tiêm vaccine an toàn và hiệu quả là cách duy nhất để giảm tỷ lệ tử vong và làm chậm tình trạng đại dịch này [6], [7]. Tuy nhiên, dựa trên báo cáo của các nhà nghiên cứu từ WHO và CDC việc loại bỏ COVID-19 dường như là không thể từ vaccine. Và với sự xuất hiện của nhiều loại vaccine, hiệu quả phòng bệnh cao thấp và các tác dụng phụ của từng loại khác nhau. Hơn nữa hiệu quả của vaccine không phải là mãi mãi [1], [7]. Các hiểu biết từ các phương thức lây truyền của virus và thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp là những chiến lược cần thiết và hiệu quả nhất để kiểm soát căn bệnh này. Sự hiểu biết sai về vaccine có thể dẫn đến tâm lý chủ quan, cũng như với sự xuất hiện ngày càng nhiều loại vaccine, sự phân vân thậm chí là tranh thủ cơ hội để có loại vaccine tối ưu có thể diễn ra [3], [4]. Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện với mục tiêu khảo sát kiến thức về việc tiêm chủng vaccine COVID-19 của viên chức và người lao động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** viên chức và người lao động đang công tác Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đồng ý tham gia nghiên cứu

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- **Thiết kế nghiên cứu:** mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu:** toàn thể viên chức và người lao động đang công tác Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đồng ý tham gia trong thời gian khảo sát từ tháng 6/2021 đến 9/2021. Nghiên cứu có tổng 422 đối tượng tham gia.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ **Kiến thức tiêm chủng vaccine COVID-19.** Câu hỏi kiến thức về vaccine COVID-19 có tổng 6 câu hỏi về, trong đó có 1 câu hỏi về thông tin vaccine COVID-19 và 5 câu hỏi về kiến thức tiêm chủng COVID-19. Mỗi câu trả lời đúng là được tính là 1 và câu trả lời sai được tính là 0. Không trả lời hoặc không biết được coi là trung

lập và cũng được tính là 0. Đối với câu hỏi nhiều đáp án chỉ được tính ĐÚNG khi chọn chính xác và đầy đủ tất cả đáp án đúng.

Theo phân loại kiến thức của Bloom, người có điểm kiến thức  $\geq 80\%$  tổng số điểm tương ứng  $\geq 5$  điểm được đánh giá kiến thức "đúng", và ngược lại người có số điểm kiến thức  $< 80\%$  tổng số điểm tương ứng  $< 5$  điểm được đánh giá kiến thức "chưa đúng" [2].

Bên cạnh đó nghiên cứu còn có 1 câu hỏi thứ 7 để tìm nguồn gốc có được thông tin vaccine COVID-19 của viên chức, người lao động Trường.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** các nội dung khảo sát được xây dựng và chuyển thành bảng câu hỏi trực tuyến thông qua sử dụng biểu mẫu Google Form, link khảo sát được gửi trực tiếp đến E-mail của đối tượng nghiên cứu (địa chỉ E-mail nhà trường cung cấp cho mỗi viên chức và người lao động công tác tại trường).

- **Phương pháp xử lý số liệu:** số liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 để tính tỷ lệ (%), sử dụng kiểm định Chi-square ( $\chi^2$ ) để so sánh sự khác biệt tỷ lệ giữa các nhóm (có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ ).

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Kiến thức.** Có 152/422 đối tượng tham gia trả lời đúng 5/6 câu hỏi về kiến thức tiêm chủng vaccine COVID-19. Như vậy tỷ lệ viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT có kiến thức đúng là 36%, kiến thức chưa đúng là 64%. Kết quả cụ thể của các câu hỏi như sau:

- **Kiến thức biết thông tin về vaccine COVID-19:** 100% viên chức, người lao động biết thông tin vaccine COVID-19.

- **Kiến thức biết một số thông tin khác về vaccine COVID-19**

**Bảng 1. Tỷ lệ cán bộ biết một số thông tin khác về vaccine COVID-19**

Nội dung	Có n (%)	Không n (%)	Không biết n (%)
Có thể mắc bệnh COVID 19 ngay cả khi đã tiêm ngừa COVID-19	409 (96,9)	8 (1,9)	5 (1,2)
Có thể tiêm chủng COVID-19 cả khi có tiền sử nhiễm	395 (93,6)	19 (4,5)	8 (1,9)
Có thể tiêm chủng COVID-19 khi đang bị COVID-19	21 (5,0)	383 (90,8)	18 (4,3)

**Nhận xét:** có 96,9% đối tượng tương biết có thể mắc bệnh COVID-19 ngay cả khi đã tiêm ngừa COVID-19; có thể tiêm chủng COVID-19 nếu có tiền sử nhiễm COVID-19 với 93,6%;

90,8% đối tượng cho rằng không thể tiêm chủng COVID-19 khi đang bị COVID-19.

**- Biết các tác dụng phụ của vaccine COVID-19**

**Bảng 2. Các tác dụng phụ của vaccine COVID-19**

Các tác dụng phụ của vaccine	n (%)	Đúng n (%)
Sốt, sưng nhẹ và tấy đỏ tại chỗ tiêm	402 (95,3)	343 (81,3)
Một số triệu chứng khác (đau đầu, chóng mặt,...)	358 (84,8)	
Không có tác dụng phụ	3 (0,7)	
Không biết	2 (0,5)	

**Nhận xét:** hầu hết đối tượng tham gia biết đúng về tác dụng phụ mà vaccine COVID-19 có thể gây ra chiếm 81,3%.

**- Nguồn gốc thông tin vaccine COVID-19**

**Bảng 3. Nguồn gốc thông tin vaccine COVID-19**

Nội dung	n	%
Bạn bè	197	46,7
Gia đình	150	35,5
Các kênh truyền thông (Ti vi, báo, đài)	370	87,7

**3.2. Liên quan giữa tỷ lệ kiến thức đúng với một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 4. Mối liên quan giữa tỷ lệ kiến thức đúng với đặc điểm của đối tượng**

Đặc điểm		Đúng n (%)	Không đúng n (%)	p
Giới tính	Nam	75 (36,8)	129 (63,2)	0,758
	Nữ	77 (35,3)	141 (64,7)	
Nhóm tuổi	≤35 tuổi	68 (37,0)	116 (63,0)	0,724
	>35 tuổi	84 (35,3)	154 (64,7)	
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	42 (33,6)	83 (66,4)	0,502
	Có gia đình	110 (37,0)	187 (63,0)	
Thâm niên công tác	≤5 năm	31 (27,7)	81 (72,3)	0,032
	>5 năm	121 (39,0)	189 (61,0)	
Chức danh nghề nghiệp	Giảng viên	85 (40,7)	124 (59,3)	0,089
	Chuyên viên/KTV	61 (31,6)	132 (68,4)	
	Kế toán viên	6 (40,0)	9 (60,0)	
	Thư viện viên	0 (0,0)	5 (100,0)	
Chuyên môn	Bác sĩ	63 (39,1)	98 (60,9)	0,574
	Dược sĩ	14 (35,0)	26 (65,0)	
	Khác	75 (33,9)	146 (66,1)	
Trình độ	Sau đại học	77 (35,8)	138 (64,2)	0,122
	Đại học	35 (30,2)	81 (69,8)	
	Khác	40 (44,0)	51 (56,0)	

**Nhận xét:** chỉ có thâm niên công tác liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ kiến thức đúng (p=0,032).

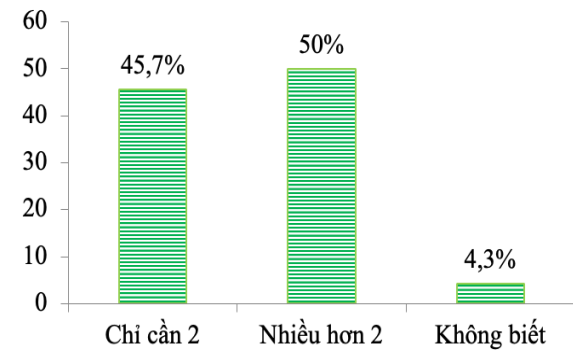
**IV. BÀN LUẬN**

Kết quả nghiên cứu ghi nhận có 152/422 đối tượng tham gia trả lời đúng 5/6 câu hỏi về kiến

Cơ quan	326	77,3
Cổng thông tin COVID-19	294	69,7
Mạng xã hội	278	65,9

**Nhận xét:** thông tin về vaccine COVID-19 có nguồn gốc từ các kênh truyền thông như: ti vi, báo, đài chiếm tỷ lệ cao nhất với 87,7%.

**- Kiến thức số liều vaccine COVID-19 nên tiêm:**



**Biểu đồ 1. Số liều vaccine COVID-19 nên tiêm**

**Nhận xét:** số liều vaccine COVID-19 nên tiêm được lựa chọn nhiều nhất là nhiều hơn 2 chiếm 50%, đối tượng không biết về số liều nên tiêm chiếm tỷ lệ rất thấp (4,3%).

thức tiêm chủng vaccine COVID-19. Như vậy tỷ lệ viên chức người lao động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có kiến thức đúng chiếm là 36%. Số lượng này thấp rất nhiều so với tỷ lệ viên chức, người lao động có kiến thức chưa đúng (64%). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn Dessie và cộng sự, năm 2022, tỷ lệ đúng là

62,5%[1]. Hay trong nghiên cứu của Minh Cuong Duong, 2021 về kiến thức về vaccine COVID-19 và việc tiêm chủng ở Việt Nam có 797/1708 (46,7%) người dân có kiến thức tốt về vaccine [4].

Kết quả này được lý giải là do cách xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, với 6 câu hỏi về kiến thức về vaccine COVID-19, trong đó có 1 câu hỏi về thông tin vaccine COVID-19 và 5 câu hỏi về kiến thức tiêm chủng COVID-19. Mỗi câu trả lời đúng là được tính là 1 và câu trả lời sai được tính là 0. Không trả lời hoặc không biết được coi là trung lập và cũng được tính là 0. Đối với câu hỏi nhiều đáp án chỉ được tính ĐÚNG khi chọn chính xác và đầy đủ tất cả đáp án đúng. Dựa theo phân loại kiến thức của Bloom, người có điểm kiến thức  $\geq 80\%$  tổng số điểm tương ứng  $\geq 5$  điểm được đánh giá kiến thức "đúng", và ngược lại người có số điểm kiến thức  $< 80\%$  tổng số điểm tương ứng  $< 5$  điểm được đánh giá kiến thức "chưa đúng" [2].

Tuy nhiên khi xét về từng nội dung trong kiến thức về vaccine COVID-19, kết quả ghi nhận ở một số nội dung đạt tỷ lệ cao, cụ thể 100% cán bộ biết biết thông tin về vaccine COVID-19, không ghi nhận cán bộ nào không biết thông tin về vaccine COVID-19 tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của A Marshoudi S và cộng sự năm 2021 thực hiện trên 3000 người lớn ở Oman (88,4%) [3]. Hay trong nghiên cứu của của Sovan Samanta và cộng sự, 2020 tỷ lệ này là 46,43% [6].

Ngoài ra, kết quả khảo sát một số thông tin khác về vaccine COVID-19, tỷ lệ đúng của cán bộ cao trên 90%, cụ thể: "Có thể mắc bệnh COVID-19 ngay cả khi đã tiêm ngừa COVID-19" đạt đến 96,9%; "Có thể tiêm chủng COVID-19 cả khi có tiền sử nhiễm" đạt 93,6%; "Có thể tiêm chủng COVID-19 khi đang bị COVID-19" đạt 90,8% (Bảng 1).

Bên cạnh đó có trên 80% cán bộ trả lời đúng về tác dụng phụ mà vaccine COVID-19 có thể gây ra, chỉ có 02 người trong tổng số 422 người tham gia khảo sát là không biết về tác dụng phụ này và 0,7% đối tượng cho rằng vaccine không có tác dụng phụ. Kết quả nghiên cứu cho thấy viên chức và người lao động đang công tác tại Trường ĐHYDCT hiểu biết khá tốt về tác dụng phụ khi tiêm vaccine COVID-19, có thể đánh giá cao về kiến thức khâu dự phòng trong việc tiêm chủng ở các đối tượng này (Bảng 2).

Khảo sát về số liều tiêm vaccine, có 50% cán bộ lựa chọn số liều vaccine COVID-19 nên tiêm là nhiều hơn 2 lần. Tuy nhiên một số lượng lớn cán bộ (45,7%) cho rằng chỉ nên tiêm 2 liều và có 4,3% không biết về vấn đề này (Biểu đồ 1).

Như vậy, ở nội dung này rất nhiều cán bộ chưa hiểu đúng và thực cộng đồng tại thời điểm hiện tại nhiều người dân cũng không tiếp tục đi tiêm các mũi vaccine sau mũi 2.

Các kênh truyền thông như: ti vi, báo, đài,... là nguồn thông tin được lựa chọn nhiều nhất chiếm 87,7%, sau đó là nguồn từ cơ quan (77,3%), cổng thông tin COVID-19 (69,7%), mạng xã hội (65,9%), thông tin về COVID-19 từ bạn bè và gia đình chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là 46,7% và 35,5% (Bảng 3). So với các nguồn thông tin còn lại thông tin từ ti vi, báo, đài,... là nguồn thông tin chính thống, có mức độ tin cậy cao nên được hầu hết cán bộ lựa chọn để cập nhật thông tin về COVID-19.

Tìm hiểu mối liên quan thống kê giữa tỷ lệ kiến thức đúng với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu chỉ có thâm niên công tác liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ kiến thức đúng với  $p=0,032$  (Bảng 4). Các đặc điểm còn lại của các đối tượng nghiên cứu bao gồm: giới tính, nhóm tuổi, tình trạng hôn nhân, chức danh nghề nghiệp, chuyên môn và trình độ chưa ghi nhận mối liên quan này.

## V. KẾT LUẬN

Khảo sát kiến thức tiêm chủng vaccine COVID-19 của viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT, có 36% đối tượng tham gia có kiến thức đúng về tiêm chủng vaccine COVID-19. Ngoài trừ đặc điểm thâm niên công tác được xác định có liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ kiến thức đúng ( $p=0,032$ ). Phần lớn thông tin về vaccine COVID-19 có nguồn gốc được nhân viên Trường ĐHYDCT cập nhật từ các kênh truyền thông như ti vi, báo, đài,...

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adane, M., Ademas, A., & Kloos, H. (2022). Knowledge, attitudes, and perceptions of COVID-19 vaccine and refusal to receive COVID-19 vaccine among healthcare workers in northeastern Ethiopia. *BMC Public Health*, 22(1), 1-14.
2. Adebowale, O.O., Adenubi, O.T., Adesokan, H.K., et al. (2021), SARS-CoV-2 (COVID-19 pandemic) in Nigeria: Multi-institutional survey of knowledge, practices and perception amongst undergraduate veterinary medical students. *PLoS One*, 16(3): e0248189.
3. A Marshoudi S, Balushi H, Wahaibi A, et al. Knowledge, Attitudes, and Practices (KAP) toward the COVID-19 Vaccine in Oman: A Pre-Campaign Cross-Sectional Study. *National Library of Medicine, Vaccines (Basel)*, 9(6):602.
4. Duong, M. C., Duong, B. T., Nguyen, H. T., Quynh, T. N. T., & Nguyen, D. P. (2022). Knowledge about COVID-19 vaccine and vaccination in Vietnam: A population

- survey. Journal of the American Pharmacists Association, S1544-3191(22)00014-0.
5. **Nasir, M., Zaman, M. A., Majumder, T. K., Ahmed, F., Nazneen, R., Omar, E., ... & Begum, H. (2021).** Perception, preventive practice, and attitude towards vaccine against COVID-19 among health care professionals in Bangladesh. *Infection and Drug Resistance*, 14, 3531.
6. **Samanta, S., Banerjee, J., Kar, S. S., Ali, K. M.,**

- Giri, B., Pal, A., & Dash, S. K. (2022).** Awareness, knowledge and acceptance of COVID-19 vaccine among the people of West Bengal, India: a web-based survey. *Vacunas*.
7. **Tran B.X, Nguyen H.T., Le H.T., et al. (2020),** Impact of COVID-19 on Economic Well-Being and Quality of Life of the Vietnamese During the National Social Distancing. *Front Psychol*; 11:565153.

## NGHIÊN CỨU VIỆC SỬ DỤNG THUỐC ĐIỀU TRỊ LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TRÀ VINH

Trịnh Kiến Nhụy<sup>1</sup>, Võ Thị Bé My<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** đặc điểm của người bệnh và việc sử dụng các thuốc ức chế bơm proton và các nhóm thuốc điều trị hỗ trợ loét dạ dày tá tràng. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu hồi cứu, từ tháng 1 năm 2020 đến hết tháng 4 năm 2020, tại Khoa Nội Tổng hợp - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh. Chọn tất cả hồ sơ bệnh án, khảo sát đặc điểm người bệnh theo nhóm tuổi, giới tính, dân tộc, nghề nghiệp, các nhóm bệnh loét dạ dày tá tràng, việc sử dụng các thuốc ức chế bơm proton và các nhóm thuốc điều trị hỗ trợ loét dạ dày - tá tràng trên từng hồ sơ bệnh án. Loại trừ người bệnh ngừng thuốc do lý do khác (ví dụ: phẫu thuật), chuyển viện hoặc tử vong và bỏ dở điều trị hoặc trốn viện. Sử dụng Microsoft Excel 2013. **Kết quả:** nhóm tuổi từ 41 – 59 tuổi có tỷ lệ cao nhất là 30,53%; giới nữ (50,76%) có tỷ lệ cao hơn giới nam (49,24%); nghề nghiệp cao nhất là nông dân (30,53%) và thấp nhất là buôn bán (4,20%); nhóm bệnh viêm dạ dày có tỷ lệ cao nhất là 77,10% và thấp nhất là nhóm bệnh loét tá tràng và loét dạ dày tá tràng là 1,15%. 02 thuốc ức chế bơm proton được sử dụng nhiều nhất là thuốc esomeprazol và pantoprazol. 05 nhóm thuốc hỗ trợ điều trị là nhóm thuốc an thần; chống co thắt, nhóm thuốc chống nôn; giảm đầy hơi, nhóm vitamin và khoáng chất, nhóm thuốc cầm máu và nhóm thuốc ít nhất là thiếu máu. **Kết luận:** có tỷ lệ cao nhất là nhóm tuổi từ 41 – 59 tuổi, nông dân, nhóm bệnh viêm dạ dày. 02 thuốc ức chế bơm proton được sử dụng nhiều nhất là thuốc esomeprazol và pantoprazol. 05 nhóm thuốc hỗ trợ điều trị là nhóm thuốc an thần; chống co thắt, nhóm thuốc chống nôn; giảm đầy hơi, nhóm vitamin và khoáng chất, nhóm thuốc cầm máu và nhóm thuốc ít nhất là thiếu máu.

**Từ khóa:** loét dạ dày - tá tràng, sử dụng thuốc, Trà Vinh

<sup>1</sup>Trường Đại học Trà Vinh

<sup>2</sup>Trường Đại học Trà Vinh

Chịu trách nhiệm chính: Trịnh Kiến Nhụy

Email: tknhuy@tvu.edu.vn

Ngày nhận bài: 22.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 15.8.2022

Ngày duyệt bài: 22.8.2022

### SUMMARY

#### RESEARCH ON THE USE OF DRUGS TO TREAT STOMACH AND DUODENAL ULCERS AT TRA VINH PROVINCIAL HOSPITAL

**Objectives:** patient characteristics and the use of inhibitors proton pump and drug groups to support peptic ulcer. **Materials and methods:** retrospective study, from January 2020 to the end of April 2020, at the Department of Internal Medicine General - Hospital of Tra Vinh. Select all medical records, survey patient characteristics by age group, sex, Ethnicity, occupation, peptic ulcer disease groups, the use of proton pump inhibitors and groups of drugs to support gastric and duodenal ulcers on each medical records. Exclude patients who stop taking medication for other reasons (example: surgery), transfer to hospital or death and abandonment of treatment or escape from hospital. Use Microsoft Excel 2013. **Results:** the age group from 41 to 59 years old has the highest rate of 30.53%; female (50.76%) has a higher rate than male (49.24%); the highest occupation is farmers (30.53%) and the lowest is trading (4.20%); the group of gastritis has the highest rate of 77.10% and the lowest is the group of diseases duodenal ulcer and peptic ulcer is 1.15%. The two drugs most commonly used proton inhibitors are esomeprazole and pantoprazole. 05 groups of drugs that support treatment are tranquilizers; antispasmodic, drug class antiemetic; reduce flatulence, group of vitamins and minerals, group of hemostatic drugs and the least drug group is anemia. **Conclusions:** has the highest rate is the age group from 41 to 59 years old, farmers, gastritis group. The two drugs most commonly used proton inhibitors are esomeprazole and pantoprazole. 05 groups of drugs that support treatment are tranquilizers; antispasmodic, drug class antiemetic; reduce flatulence, group of vitamins and minerals, group of hemostatic drugs and the least drug group is anemia.

**Keywords:** stomach and duodenal ulcers, medication use, Tra Vinh.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm loét dạ dày tá tràng là một bệnh rất thường gặp trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển, chiếm khoảng 35% bệnh lý tiêu hóa. Có